

1. Đặc điểm của chăn nuôi lợn nái theo phương pháp "Chăn nuôi công nghiệp"

Chăn nuôi lợn mang đầy đủ đặc điểm của ngành chăn nuôi, ngành có tính chất đặc thù so với các ngành sản xuất vật chất khác: Quá trình sản xuất ra sản phẩm là một quá trình trao đổi chất, quá trình sinh trưởng và phát triển của động vật, quá trình chăm sóc và nuôi dưỡng một cơ thể sống... Quá trình sản xuất sản phẩm chăn nuôi bị ảnh hưởng rất nhiều của điều kiện tự nhiên sinh thái, bệnh lý. Nếu ta coi con lợn nái sinh sản như một máy cái sản xuất ra sản phẩm là lợn con, thì máy cái này khác hoàn toàn với 1 máy cái trong sản xuất công nghiệp.

Trong suốt thời kì sinh sản, ngoài việc sử dụng trực tiếp thức ăn để nuôi ở các thời kì khác nhau, còn phải tiêu tốn thức ăn để duy trì cơ thể sống và phát triển của lợn mẹ. Đồng thời cùng với lợn con, mức tăng trọng đáng kể của lợn mẹ, trên thực tế, cũng là sản phẩm chăn nuôi. Vì vậy về phương diện hạch toán chi phí sản xuất và phân bổ chi phí chăn nuôi lợn nái là vấn đề cần được quan tâm giải quyết.

Một đặc điểm nữa của chăn nuôi lợn sinh sản là chi phí về chăm sóc, thức ăn, thuốc thú y... như nhau (đầu vào bằng nhau) nhưng sinh ra các sản phẩm khác nhau cả về số lượng, trọng lượng, chất lượng sản phẩm. Đặc điểm này cũng gây nhiều tranh luận trong phân bổ chi phí sản xuất và tính giá thành lợn giống thương phẩm.

2. Đối tượng và phương pháp tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành chăn nuôi lợn sinh sản

Chăn nuôi lợn sinh sản theo phương pháp công nghiệp cần tổ chức tuyển chọn chặt chẽ theo nhiều giai đoạn của một qui trình kín kéo dài: Bắt đầu, lợn con đẻ ra sau 24 tiếng khỏe mạnh được coi là sản phẩm của đàn lợn nái. Số lợn con này cần được nuôi dưỡng (sau 2 tháng, mới thành lợn giống thương phẩm. Từ số giống thương phẩm này cần



VỀ HẠCH TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH TRONG CHĂN NUÔI LỢN NÁI THEO PHƯƠNG PHÁP CÔNG NGHIỆP

ĐOÀN ĐÌNH THIÊM

KTT Tổng Công Ty Gia súc và thức ăn chăn nuôi T.W

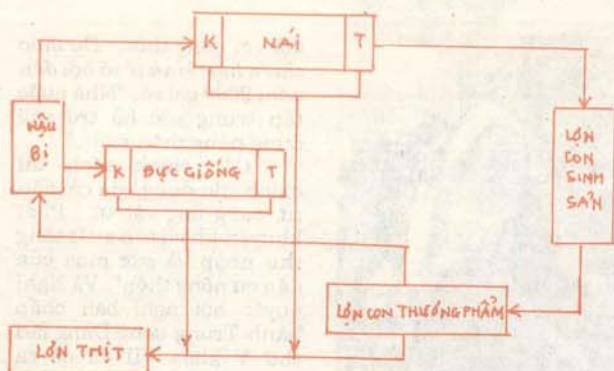
lựa chọn những con đủ tiêu chuẩn để nuôi dưỡng trong đàn hậu bị để chuyển thành lợn nái. Số còn lại chuyển sang đàn lợn thịt. Số lợn nái đủ tiêu chuẩn được phối giống sau 1 lứa đẻ qua việc định bằng cách so sánh các chỉ tiêu kinh tế kĩ thuật của nái kiểm định sẽ chuyển lên nái sinh sản và theo dõi trên các hồ sơ kĩ thuật riêng. Có thể mô tả cả quá trình dài đó trên một sơ đồ sau (xem sơ đồ 1).

Với chăn nuôi theo phương pháp công nghiệp, việc tuyển chọn cần tiến hành hàng loạt bằng kĩ thuật tiên tiến và được tổ chức chăn nuôi riêng thành đàn. Mỗi đàn cần tổ chức

hạch toán chi phí riêng trên các sổ hạch toán chi tiết chi phí rõ ràng. Ở mỗi đàn khấu phần thức ăn và chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng cũng khác nhau đáng kể. Thêm vào đó, sản phẩm của mỗi đàn cũng khác nhau. Chẳng hạn sản phẩm của đàn lợn nái là số con và trọng lượng của lợn con sau khi đẻ 24 tiếng khỏe mạnh và tiếp tục chăn nuôi thành lợn giống thương phẩm; sản phẩm của đàn lợn hậu bị cũng như đàn lợn thịt là trọng lượng thịt tăng lên (gọi tắt là trọng lượng thịt tăng), v.v. Từ đó, đối tượng để tổ chức hạch toán chi tiết chi phí trước hết là các đàn lợn khác nhau. Còn đối tượng tính giá

thành lại tùy mục đích chăn nuôi. Riêng đối với đàn lợn sinh sản đồng thời với việc tạo đàn lợn giống thương phẩm, trọng lượng lợn nái cũng tăng qua quá trình nuôi dưỡng. Như vậy, cùng lượng chi phí đầu vào thì ở đầu ra ta thu được 2 loại sản phẩm: lợn con và trọng lượng thịt tăng (xem sơ đồ số 2). Tuy nhiên theo chế độ tài chính hiện hành, toàn bộ chi phí cho lợn mẹ, từ khi lợn con tách mẹ ở lứa trước đến lợn con tách mẹ lứa sau đều dồn hết cho đàn lợn giống thương phẩm. Ngoài ra còn tính khấu hao 25% năm nguyên giá con mẹ phân bổ cho đàn lợn thương phẩm trong năm. Về mặt lý luận chung thì dễ dàng chấp nhận, nhưng thực tế, nếu phân tích chi tiết ta thấy còn nhiều vấn đề cần làm rõ.

a. Nếu ta tính toàn bộ chi phí của 1 chu kì nái sinh sản (một lứa) cho đàn lợn con thương phẩm là chưa hợp lý. Vì trong toàn bộ chi phí đó lợn mẹ có dùng 1 phần để duy trì sự sống và phát triển bản thân lợn mẹ. Hàng năm qua kiểm kê thì lợn mẹ qua 1 năm tăng 30 - 40 kg/con. Lượng tăng trọng này là đáng kể và cần được coi là sản phẩm đích thực của chăn nuôi lợn nái. Trong trường hợp sản phẩm song đôi như vậy, về phương pháp luận có thể tính giá thành theo 3 cách cơ bản. Hoặc là qui những sản phẩm khác nhau về 1 loại sản phẩm tiêu chuẩn; hoặc là tách chi phí riêng cho từng loại sản phẩm, hoặc là loại



Sơ đồ 1

QUI TRÌNH TUYỂN CHỌN VÀ TỔ CHỨC CHĂN NUÔI LỢN NÁI

Ghi chú : (k) kiểm định

(T) thải loại



Sơ đồ 2:

CHI PHÍ VÀ KẾT QUẢ CHĂN NUÔI LỢN NÁI

trừ giá trị của loại sản phẩm thứ yếu. Kinh nghiệm thực tiễn của ngành cho thấy, cách thứ 3 dễ được tiếp nhận hơn. Tuy nhiên vấn đề cụ thể hơn là giá của sản phẩm được loại trừ (trong trường hợp này là trọng lượng thịt tăng). Về nguyên tắc có thể tính theo suất đầu tư cho 1 kg lợn nái. Tuy nhiên, mức tăng trong ở thời kỳ này không còn là mục tiêu chính của đầu tư. Tất nhiên trọng lượng của lợn mẹ có ảnh hưởng đến chất lượng lợn con và đồng thời ảnh hưởng đến mức thu hồi do thanh lý lợn nái bị thải loại và chuyển sang đàn lợn thịt. Vì thế, hướng giải quyết của ngành là tính theo giá thành thịt hơi bình quân của lợn thịt.

b. Thông thường thời hạn sinh sản của lợn nái là 4 năm. Tuy nhiên trong thực tế không phải tất cả các con lợn nái đều có khả năng sinh sản đủ 4 năm; có con chưa đủ năm, có con hơn 4 năm mới phải loại. Mặt khác cho dù các con lợn mẹ đều được cung cấp thức ăn và chăm sóc như nhau nhưng số con của mỗi con nái lúc đẻ ra, và số con nuôi sống đến lúc tách mẹ đều khác nhau. Tình hình trên là 1 thực tế khác với các ngành sản xuất vật chất khác. Trong khi đó chi phí sản xuất lại chia bình quân cho mỗi lợn mẹ. Như vậy giá

thành lợn giống thương phẩm ở mỗi đơn vị không ổn định trong 1 năm và qua các năm. Để khắc phục các tồn tại trên và cung cấp thông tin cho quản lý, cần kết hợp sử dụng tài liệu hạch toán vào việc phân tích các chỉ tiêu chủ yếu và giải quyết cấp bách 1 số vấn đề chủ yếu trong chăn nuôi.

3. Những giải quyết cấp bách hạ giá thành sản phẩm chăn nuôi lợn nái

3.1. Giải quyết đồng bộ các mục tiêu kinh tế kỹ thuật trong chăn nuôi lợn nái.

Theo lẽ thường, muốn giảm giá thành cần đồng thời giảm chi phí và tăng sản lượng sản phẩm (dịch vụ). Tuy nhiên, với chăn nuôi, đặc biệt là chăn nuôi lợn nái, thì vấn đề không hoàn toàn đơn giản như vậy: Từ phân tích đặc điểm chăn nuôi lợn nái (xem mục 1 và mục 2) có thể thấy: Để tăng được sản lượng cần quan tâm đến nhiều chỉ tiêu như:

- Số lứa đẻ bình quân 1 con lợn nái trong năm.
- Số lợn con đẻ ra bình quân của 1 con lợn cái trong năm.
- Số con tách mẹ sau 42 ngày tuổi.
- Trọng lượng bình quân của lợn con sau 60 ngày tuổi.
- Trọng lượng giống thương phẩm 1 năm của 1 con nái.

Đồng thời cần quan tâm đến "giá phải trả", đặc biệt là tiêu tốn thức ăn cho đàn lợn và quan tâm đến sức sinh sản thể hiện số con và sức nuôi dưỡng (số cân của lợn con) trên mỗi con lợn nái.

3.2. Tổ chức hạch toán chính xác chi phí cho 1 lợn nái

Thực tế các doanh nghiệp nói chung, các đơn vị chăn nuôi nói riêng những năm qua công tác phân tích và quản lý giá thành chưa làm tốt. Toàn bộ chi phí phát sinh hạch toán hết vào giá thành sản phẩm, chưa phân tích đầy đủ các yếu tố tăng giảm dẫn đến giá thành sản phẩm là cái "túi", đựng hết các chi phí, từ đó dẫn đến tình trạng không phản ánh thực chất kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Các đơn vị lỗ xin nhà nước trợ giá chính sách. Tình hình như trên ảnh hưởng xấu đến tình hình tài chính của đơn vị, không có những số liệu chính xác phục vụ cho công tác nghiên cứu và xây dựng mô hình chăn nuôi hàng hóa. Muốn giải quyết các tồn tại trên trong hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm chăn nuôi, cần chú ý hướng dẫn tốt hơn kế toán chi phí (kế toán quản trị) và tăng cường kiểm tra kế toán để hướng dẫn và sửa chữa sai sót kịp thời trong kế toán.

3.3. Nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ

Hiện nay công suất thiết kế và xây dựng các xí nghiệp chăn nuôi giống quá lớn, thực tế tỷ lệ sử dụng thấp. Phân loại đúng tình hình sử dụng tài sản cố định (trong đó chủ yếu là chuồng trại) để tính khấu hao chính xác cho từng đàn giống là 1 nội dung quan trọng, trong việc hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm chăn nuôi.

Để giải quyết vấn đề này cần quan tâm tổ chức lại sản xuất và quản lý và nâng dần quy mô của các đơn vị chăn nuôi.

3.4. Cấp đủ vốn lưu động cho các cơ sở chăn nuôi.

Trong các đơn vị chăn nuôi giống của ta hiện nay, vốn lưu động quá ít, phải vay ngân hàng nhiều, các nguyên liệu thức ăn không có vốn thu mua dự trữ theo mùa nên giá thành thức ăn cao, lãi suất ngân hàng phân bổ cho đàn giống cũng lớn hơn rất nhiều so với các đơn vị có đủ vốn lưu động. Vì vậy, nhà nước cần khẩn trương cấp đủ vốn cho các trọng tâm chăn nuôi - một trong những trung tâm đầu tư của doanh nghiệp quốc doanh hiện nay.

Đối với các đơn vị chăn nuôi giống gốc thuần chủng chỉ cần giải quyết 2 vấn đề trên (khấu hao TSCĐ đúng, vốn lưu động đủ) thì các chi phí trong giá thành sản phẩm chăn nuôi cũng giảm được mức đáng kể.

Ngành chăn nuôi lợn theo phương pháp nuôi công nghiệp mới áp dụng phổ biến ở các trại giống lợn quốc gia và 1 số vùng có truyền thống chăn nuôi ở phía Nam. Để có sản phẩm thịt đạt tiêu chuẩn xuất khẩu như các nước, ngoài các việc đưa tiến bộ kỹ thuật thế giới vào chăn nuôi, tạo vùng dịch bệnh an toàn, thị trường .v.v. thì tăng cường công tác quản lý trong hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sẽ góp phần không nhỏ trong việc xây dựng một mô hình chăn nuôi phát triển.